

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 4- 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Cao Thị Đại
2. Bà Đỗ Thị Hải

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Quàng Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B tham gia phiên tòa:* Ông Hà Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2021/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04/4/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Phương T; Địa chỉ: Số nhà 15, tổ 04, phường T, thành phố Đ, tỉnh B (Có mặt);

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Việt T; Địa chỉ: Số nhà 22, tổ 04, phường T, thành phố Đ, tỉnh B; Hiện đang bị tạm giam tại trại giam Công an tỉnh B (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Phương T trình bày:

- Về Hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Việt T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/5/2017 tại UBND xã K, huyện H, thành phố H. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình vì không có sự hiểu nhau, anh T thường xuyên bỏ nhà đi, không có trách nhiệm với gia đình. Mặc dù chị T đã cố gắng hàn gắn nhưng anh T vẫn không thay đổi. Hai vợ chồng đã sống ly thân. Vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không có hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Thanh T - Sinh ngày 23/09/2017. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và nợ: Vợ chồng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15/4/2022, anh Nguyễn Việt T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Phương T

- Về con chung: Anh đồng ý để chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thanh Tùng.

Hiện nay, anh đang bị tạm giam tại trại giam công an tỉnh B, nên không thể tham gia phiên tòa, anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết tòa án đã triệu tập nhiều lần, nhưng anh T không có mặt theo giấy triệu tập để trình bày lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp và tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án thấy rằng Thẩm phán thực hiện đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và tiến hành các thao tác tố tụng đã tuân thủ là đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định tại Điều 51, 227, 233, 237, 239/BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn Tòa án thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147/BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Nguyễn Phương T đối với anh Nguyễn Việt T. Cụ thể:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Phương T được ly hôn với anh Nguyễn Việt T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thanh T - Sinh ngày 23/09/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu ly hôn.

Tại phiên tòa nguyên đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ về yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Phương T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B giải quyết ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Việt T có địa chỉ cư trú tại phường T, thành phố Đ. Nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

[2]. Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự:

2.1. Về hôn nhân: Hôn nhân của chị T và anh T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình vì không có sự hiểu nhau, anh T thường xuyên bỏ nhà đi, không có trách nhiệm với gia đình. Anh chị hiện đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như phiên tòa chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn. Tại văn bản trả lời ngày 15/4/2022, anh T cũng đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho chị T được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Chị T và anh T thống nhất có một con chung là cháu Nguyễn Thanh T - Sinh ngày 23/09/2017. Nguyên vọng của chị T là được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Tùng vì cháu còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Bản thân chị T làm việc tại Công ty Điện Lực B, có thu nhập ổn định. Anh T cũng nhất trí để chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Anh T hiện đang bị tạm giam, nên việc để chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tùng là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3. Về tài sản: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Phương T về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

1.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Phương T được ly hôn với anh Nguyễn Việt T;

1.2. Về con chung: Chị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thanh Tùng - Sinh ngày 23/09/2017 đến khi cháu thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Phương T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu tiền số 0001744 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh B. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/4/2022), anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND thành phố ĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS thành phố ĐBP;
- Tòa án tỉnh B;
- UBND xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đào Thị Thúy Thành

